

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA

# SỰ DU NHẬP TIẾNG NÓI CỦA CƯ DÂN CÁC NƠI KHÁC VÀO THÀNH PHỐ VINH - BẾN THỦY TRƯỚC CÁCH MẠNG

THE INTRODUCTION OF DIVERSE DIALECTS BY IMMIGRANTS  
INTO VINH CITY - BEN THUY BEFORE THE AUGUST REVOLUTION IN 1945

PHAN XUÂN PHỒN  
(ThS, Đại học Vinh)

## Abstract

The modern dialect used in Vinh city is various and complicated. It's because there's been a long process in which people from different areas, even abroad have moved to Vinh city to live and work. The article manages to figure out the main reasons leading people from other areas to Vinh by surveying Vinh's community and suggests the ways other dialects have integrated with Vinh's dialect to form nowadays dialect of Vinh.

1. Vinh, tên ban đầu là Kê Ván, sau đó lần lượt đổi thành Kê Vĩnh, Vĩnh Giang, Vĩnh Doanh, có thôn Vĩnh Yên và thôn Yên Vinh. Thôn này sau nay là làng Vĩnh Yên, thuộc xã Yên Trường, tổng Yên Trường, huyện Chân Phúc. Đến thời nhà Nguyễn, thôn này thuộc huyện Nghi Lộc. Theo Đinh Xuân Vinh, trong *Sổ tay địa danh Việt Nam* thì vì toà Công sứ Pháp đóng ở thôn Yên Vinh, nên về sau gọi Vinh dần dần thay thế cho tên gọi cũ là Vĩnh (*Chữ Vinh là gọi chệch từ chữ Vĩnh*).

Thành phố Vinh chính thức ra đời ngày 10 - 12 - 1927, theo Nghị định của Toàn quyền Đông Dương, trên cơ sở sáp nhập 3 trung tâm đô thị: thị xã Vinh, thị xã Bến Thủy (thành lập ngày 11 tháng 3 năm 1914) và thị xã Trường Thi (thành lập ngày 27 tháng 8 năm 1917) thành Thành phố Vinh - Bến Thủy, do Công sứ Nghệ An kiêm chức đốc lý (tức thị trưởng).

Thành phố Vinh - Bến Thủy có diện tích 20 km<sup>2</sup> chia thành 10 khu phố Đề nhất đến phố Đề thập, với 20.000 người nội thành, là một trong những thành phố công nghiệp thương mại - giao thông vận tải lớn nhất ở Bắc Trung bộ, và được xếp vào danh sách những thành phố lớn trong Liên bang Đông Dương của Pháp thời đó.

Nhưng thành phố Vinh - Bến Thủy hiện đại với 10 khu phố ấy lại kế thừa và phát huy một cách liên tục từ đô thị Vinh - Bến Thủy, vốn được Gia Long (1802 - 1819), xác lập từ năm 1804. Trong suốt 80 năm của thế kỷ XIX (1804 - 1884), Vinh - Bến Thủy không chỉ là trung tâm chính trị, kinh tế, quân sự của vùng An - Tĩnh, với hệ thống thành lũy kiên cố, cùng với súng đại bác, súng thần công, dinh Tổng đốc, dinh Bố Chánh, Lãnh binh,...mà còn là một trung tâm văn hóa của cả lưu vực sông Lam. Sự tồn tại và phát triển của trường thi hương Nghệ An, trong suốt 8 thập kỷ (1802 - 1884) dưới thời Nguyễn, đã biến Vinh - Bến Thủy

thành một trong 7 trung tâm đào tạo nhân tài của nước ta. Đồng thời đây là nơi để hàng vạn nho sĩ xứ Nghệ, trả nợ bút nghiên, viết tiếp những trang sử hào hùng trong bảng vàng khoa cử của dân Nghệ.

Những ngày 20-7-1885, Sô-mông (Chaumod) cùng 188 sĩ quan và binh lính Pháp đã đổ bộ lên chiếm thành Nghệ An, trước sự bất lực hoàn toàn của Thượng biện Tỉnh vụ Nghệ An là Vũ Trọng Bình và đám quan lại dưới quyền. Mười bốn năm sau kể từ sự kiện lịch sử bi thương ấy, vua Thành Thái kí đạo dụ thành lập đô thị Vinh (12 - 7 - 1899), và tháng sau (30 - 8 - 1899), Toàn quyền Đông dương Pôn Đume kí nghị định chuẩn y Đạo dụ của vua Thành Thái, công nhận sự ra đời của đô thị Vinh cùng 5 trung tâm đô thị khác ở Trung Kỳ là: Thanh Hóa, Hội An, Quy Nhơn, Phan Thiết, Huế. Từ đó Vinh chuyển từ một trung tâm văn hóa truyền thống sang một trung tâm văn hóa chịu nhiều ảnh hưởng của nền văn hóa và văn minh phương Tây.

Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, thương mại hóa vùng Vinh đã làm thay đổi bộ mặt của một trung tâm đô thị thời quân chủ. Kéo theo đó là việc hình thành các tầng lớp mới, giai cấp mới trên địa bàn Vinh như: công nhân, tư sản, tiểu tư sản trí thức,... làm cho ngôn ngữ (nói và viết) của cộng đồng cư dân Vinh trở nên phong phú hơn, đa dạng hơn. Ngôn ngữ của cư dân bản địa tiếp xúc với nhiều phương ngữ của cả vùng Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ (tiếng Việt), thậm chí Vinh còn là một trong những trung tâm đào tạo tiếng Pháp lớn nhất cả vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh - Bình và là nơi giao lưu giữa ngôn ngữ Việt - Lào, vì đây là cửa ngõ thông ra đại dương của Vương quốc Lào, trước Cách mạng Tháng Tám.

Văn hóa - văn minh bản địa nói chung, ngôn ngữ nói riêng của cộng đồng cư dân thành phố Vinh, tiếp xúc với nhiều loại hình

ngôn ngữ khác nhau, cùng song song tồn tại và phát triển, làm cho bức tranh ngôn ngữ (nói và viết) ở đây trở nên đa dạng, phức tạp và không kém phần sinh động, mà từ trước tới nay chưa mấy ai quan tâm nghiên cứu cả trên phương diện sử học, xã hội học, dân tộc học và ngôn ngữ học. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tập trung nghiên cứu các vấn đề chủ yếu sau:

1) Những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự du nhập ngày càng nhiều các loại phương ngữ trong quá trình giao tiếp của cư dân thành phố Vinh.

2) Bước đầu tìm hiểu các đối tượng, tầng lớp xã hội trong cộng đồng cư dân thành phố sử dụng các loại hình ngôn ngữ (nói và viết) khác nhau.

3) Mức độ ảnh hưởng phương ngữ hóa ngôn ngữ của cư dân thành phố Vinh trước Cách mạng Tháng Tám.

2. Cần phải khẳng định rằng, trước khi Pháp đổ quân lên chiếm thành Nghệ An (20-7-1885), ngôn ngữ nói của dân đô thị Vinh, chủ yếu là tiếng Nghệ, nhưng lại chịu ảnh hưởng trực tiếp của phương ngữ Nghi Lộc. Bởi vì, đô thị Vinh được xây dựng ở vùng Vinh Yên và Yên Trường là vùng đất phía nam của huyện Nghi Lộc.

Tuy nhiên, với chức năng là trung tâm chính trị - quân sự - văn hóa của cả vùng An - Tĩnh, cùng với sự tồn tại phát triển của chợ Vinh - chợ Vinh, từng bước tạo cơ hội cho một bộ phận tiếng Hán du nhập vào Vinh theo bước chân của thương nhân Hoa Kiều. Tiếp đó, là sự xuất hiện của tiếng Thái, Tày, Dao, H'Mông... ở chợ Vinh do cư dân các dân tộc thiểu số miền Tây Bắc Nghệ - Tĩnh mang đến trong quá trình trao đổi, buôn bán ở chợ Vinh. Song thứ ngôn ngữ này không mấy ảnh hưởng đến ngôn ngữ nói của cư dân đô thị Vinh, vì quy mô của nó không nhiều và xuất hiện không liên tục.

Nhưng khi Pháp đổ quân lên chiếm thành Nghệ An (20-7-1885) và thực hiện công cuộc bình định trên toàn lưu vực sông Lam, thì sự xâm nhập của nền văn hóa - văn minh phương Tây ngày càng trở nên quyết liệt và toàn diện. Đứng trước nguy cơ bị áp đặt một nền thống trị ngoại bang và một nền văn hóa xa lạ, Đình nguyên Tiến sĩ Phan Đình Phùng cùng hàng loạt tiến sĩ, phó bảng, cử nhân, tú tài xứ Nghệ đã dựng cờ Cần Vương đánh Pháp quyết liệt hơn 10 năm trời (1885 - 1896).

Nếu xét trên phương diện bảo vệ độc lập dân tộc, thì phong trào Cần Vương là phong trào kháng Pháp quyết liệt nhất của cư dân làng xã, thôn bản trên phạm vi từ Bình Thuận đến đồng bằng Bắc Bộ, dưới sự lãnh đạo của các văn thân sĩ phu yêu nước. Nếu xét về góc độ văn hóa - văn minh, thì đây là thành lũy tinh thần của Vương quốc Đại Nam, trên một phạm vi rộng lớn, kéo dài, nhằm chống lại sự thâm nhập của nền văn minh phương Tây. Trên cả hai phương diện ấy thì phong trào Cần Vương (1885 - 1896) là cố gắng cuối cùng, cao nhất của đội ngũ tri thức Nho học nhằm bảo vệ đất đai ông bà tổ tiên và văn hóa - văn minh dân tộc bao trùm lên phong trào kháng Pháp quyết liệt ấy, chứ không dừng lại ở phạm vi "Cần Vương" như một số người vẫn nghĩ.

Nhưng cố gắng của đội ngũ tri thức Nho học, cùng với tinh thần quật khởi của cư dân làng xã không cứu được độc lập dân tộc, không giữ được đất đai của ông bà tổ tiên để lại trước cuộc xâm lăng của kẻ thù phương Tây hiện đại hơn.

Thất bại của phong trào Cần Vương (1885 - 1896), và việc ra đời của ba trung tâm đô thị Vinh - Bến Thủy - Trường Thi, không đặt dấu chấm hết cho nền giáo dục Hán học ở Vinh cũng như lưu vực sông Lam. Từ năm 1885 đến năm 1918, trường thi Hương Nghệ An vẫn tiếp tục tổ chức 11

khoa thi Hương (Ngạch Văn), lấy đỗ 274 cử nhân. Tức là, cứ 3 năm một lần Vinh lại được chứng kiến cảnh hàng ngàn sĩ tử lều chông, bút nghiên về dự thi. Đây là cơ sở xã hội, là nguyên nhân quyết định dẫn đến sự tồn tại chữ Hán ở đô thị Vinh cho đến khi chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc. Mặt khác, mỗi khoa thi Hương diễn ra trong khoảng thời gian kéo dài hơn một tháng, tức là có 11 lần, Vinh tiếp nhận từ 4.000 - 5.000 nho sĩ trên địa bàn hai tỉnh Nghệ Tĩnh về dự thi, mang theo luôn cả tiếng nói của hầu hết các làng xã về Vinh làm cho ngôn ngữ giao tiếp ở đây trở nên sống động hơn, phong phú hơn và có ảnh hưởng ít nhiều đến ngôn ngữ giao tiếp của cư dân Vinh.

Mặt khác, từ đầu thế kỉ XX, Pháp đã biến Vinh - Bến Thủy - Trường Thi thành một trung tâm công nghiệp thương mại lớn nhất ở Bắc Trung Bộ. Điều này đã làm cho thành phần cư dân ở Vinh thay đổi.

Hàng nghìn người từ Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng vào Vinh với những lí do khác nhau để lập nghiệp. Nhất là đội ngũ công nhân ở nhà máy xe lửa Trường Thi (lập năm 1908), chủ yếu là người Bắc. Họ lập nên "Xóm Bắc kì" ở phía Bắc nhà máy xe lửa Trường Thi. Ngôn ngữ Bắc thâm nhập vào Vinh ngày càng nhiều hơn, cảm rõ và phát triển ngay trong lòng thành phố Vinh, tạo nên một sự đan xen, dung hòa giữa "văn hóa xứ Bắc" với "văn hóa xứ Nghệ". Người Bắc học tiếng Nghệ, người Nghệ học tiếng Bắc mà kết quả là chẳng mấy người Nghệ học được tiếng Bắc, trong khi đó nhiều người Bắc lại nói thạo tiếng Nghệ.

Nhưng về cơ bản thì người Bắc vẫn giữ nguyên tiếng nói của họ, trong quá trình giao tiếp hàng ngày. Sau tiếng Nghệ thì tiếng Bắc là loại tiếng địa phương có số lượng người sử dụng nhiều hơn cả trong tổng số 20.000 cư dân thành phố Vinh. Điều cần lưu ý là đội

ngữ công nhân Vinh do đặc trưng nghề nghiệp, trong quá trình giao tiếp hàng ngày, họ nói thạo tiếng Nghệ, thậm chí còn sử dụng thành thạo cả những thành ngữ, tục ngữ ca dao dân ca... của các huyện xã ở Nghệ An - Hà Tĩnh trong đời sống giao tiếp hàng ngày.

Trong tổng số 2 vạn dân nội thành ở Vinh trước Cách mạng Tháng Tám, vì nhiều lí do mà có một bộ phận khá đông đảo sử dụng tiếng Pháp (cả nói và viết) thông thạo. Trước hết đó là đội ngũ học sinh ở Trường Quốc học Vinh, học sinh Trường tư thực Nguyễn Trường Tộ, Lễ Văn, Chính Hóa. Đội ngũ trí thức "Tây học" này được đào tạo theo chương trình giáo dục Pháp - Việt. Trong đó, tiếng Pháp là ngôn ngữ bắt buộc trong suốt quá trình học và thi. Họ viết tiếng Pháp, nói tiếng Pháp, đọc sách báo bằng tiếng Pháp và thi cũng bằng tiếng Pháp.

Một trung tâm đào tạo tiếng Pháp khác ở thành phố Vinh là nhà máy xe lửa Trường Thi. Lúc đầu công nhân kĩ thuật ở đây được đào tạo từ Hà Nội. Nhưng về sau Sở hỏa xa đã quyết định mở các lớp đào tạo công nhân ngay tại nhà máy. Công nhân được học từ 12 - 18 tháng, tùy vào các ngành, nghề mà họ chọn. Đây là trung tâm đào tạo công nhân kĩ thuật phục vụ ngành đường sắt lớn nhất ở Trung kì trước Cách mạng Tháng Tám. Đội ngũ kĩ sư Pháp trực tiếp giảng dạy. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến một bộ phận đông đảo công nhân ở nhà máy xe lửa Trường Thi, Đề Pô Vinh biết tiếng Pháp. Như vậy, trước Cách mạng Tháng Tám, thành phố Vinh đã trở thành một trung tâm đào tạo tiếng Pháp quy mô lớn dành cho hai đối tượng chủ yếu là học sinh và công nhân kĩ thuật.

Ngoài học sinh và công nhân biết viết, đọc, giao tiếp bằng tiếng Pháp, còn có cả những viên chức do Pháp đào tạo cũng là

những người giỏi tiếng Pháp. Vì hoàn cảnh bắt buộc, một số phu kéo xe, phu khuôn vác, tiểu thương tiểu chủ cũng có học một số câu giao tiếp tiếng Pháp thông thường để sử dụng trong đời sống hàng ngày.

Ngoài các đối tượng kể trên, còn có 340 người Pháp sống trên địa bàn thành phố, thường xuyên sử dụng tiếng Pháp.

Đây chính là nguyên nhân làm cho tiếng Pháp (cả ngôn ngữ nói và viết) có cơ hội phát triển trên địa bàn thành phố Vinh, và trở thành ngôn ngữ đứng thứ hai sau tiếng Việt.

Theo thống kê của người Pháp, năm 1932, trên địa bàn thành phố Vinh có 492 người Trung Quốc, 21 người Ấn Độ, 7 người có quốc tịch thuộc các nước châu Âu. Số người Trung Quốc sống tập trung chủ yếu ở khu vực chợ Vinh chuyên buôn bán thuốc bắc, vải vóc, tơ lụa, hồi, quế, sa nhân, nấm hương, mộc nhĩ... Đội ngũ người Trung Quốc này chủ yếu sử dụng tiếng Trung Quốc khi giao tiếp với người cùng sắc tộc, nhưng lại rất giỏi tiếng Pháp và dĩ nhiên là họ nói tiếng Nghệ khá thành thạo.

Còn người Ấn Độ tuy chỉ có 21 người, chuyên buôn bán vải vóc ở chợ Vinh, nhưng họ lại mang luôn cả tiếng Phạn (Sancrit) và văn hóa Ấn Độ đến Vinh. Để có thể tồn tại, họ cũng học tiếng Việt để sử dụng cho mục đích buôn bán. Cư dân xứ Nghệ thường gọi họ ké vào cái tên là "Tây đen".

Việc Pháp mở tuyến đường thuộc địa số 7 và số 8 từ Vinh tới Tây Ninh, Cửa Rào, Xa - va - Na Khẹt, Viên Chăn, đã tạo điều kiện thuận lợi để nhiều cư dân người Lào về Vinh buôn bán, trao đổi. Ngược lại một số thương nhân người Việt cũng chịu khó học tiếng Lào để giao tiếp. Như vậy là tiếng Lào cũng đã từng tồn tại ở Vinh trước Cách mạng Tháng Tám.

Quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa, thương mại hóa vùng Vinh không chỉ dẫn

đến việc ra đời của thành phố Vinh mà còn làm cho bức tranh ngôn ngữ ở đây trở nên đa dạng, phong phú. Như vậy, ngoài tiếng Bắc, tiếng Nghệ (tiếng Việt) được coi như ngôn ngữ truyền thông của dân tộc, trước Cách mạng Tháng Tám, trên địa bàn thành phố Vinh còn có cả tiếng Pháp, tiếng Lào, tiếng Ấn, tiếng Trung Quốc.

Tuy nhiên, tiếng Pháp và tiếng Việt là hai thứ ngôn ngữ phổ biến trong đời sống ngôn ngữ của cư dân thành phố Vinh. Trừ người Pháp, còn hầu hết người Việt biết tiếng Pháp chỉ sử dụng loại hình ngôn ngữ này trong những lúc cần thiết. Còn trong đời sống hàng ngày, dù là người Bắc hay người Nghệ, họ vẫn chủ yếu sử dụng tiếng Việt. Bởi vì họ học tiếng Pháp là để tiếp thu văn hóa, văn minh, kỹ thuật của phương Tây, chứ không phải để bị "Pháp hóa" và không muốn mang tội là "mất gốc". Mặt khác họ học tiếng Pháp là để "mưu việc lớn về sau" chứ không phải để "vinh thân phì gia" hay làm nô lệ cho Pháp suốt đời. Điều này được khẳng định bởi chính những người giỏi tiếng Pháp như Trần Mộng Bạch, Tôn Quang Phiệt, Trần Phú... vốn là những học sinh Quốc học Vinh, đã sáng lập ra nhóm Phục Việt ở Vinh từ năm 1925, sau đổi thành Tân Việt (1928). Chính các trí thức Tây học như Trần Phú, Lê Hồng Phong, Nguyễn Sỹ Sách, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai... là những người đã nhiệt thành tìm đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và học thuyết cứu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

3. Trong tình thế lịch sử đặc biệt, đời sống văn hóa tinh thần và bức tranh ngôn ngữ của cộng đồng cư dân thành phố Vinh hết sức đa dạng, phong phú. Tiếng Nghệ là cơ sở nhưng có hội nhập với nhiều tiếng địa phương khác và nhiều ngoại ngữ du nhập vào Vinh, dần tạo nên phương ngữ Vinh hiện đại.

Tiếng Nghệ, Văn hóa - Văn minh xứ Nghệ vẫn được bảo tồn và phát triển vượt qua vòng cương tỏa của chính quyền thuộc

địa. Bảo tồn, duy trì tiếng nói, chính là bảo tồn những di sản văn hóa tinh thần mà ông cha để lại. Đó cũng chính là bài học mà cộng đồng cư dân thành phố Vinh để lại trong quá trình tiếp thu văn minh phương Tây trước Cách mạng Tháng Tám.

#### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Nhã Bản, Hoàng Trọng Canh, Phan Mậu Cảnh, Nguyễn Hoài Nguyên (1999), *Từ điển tiếng địa phương Nghệ Tĩnh*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
2. Nguyễn Nhã Bản (2001), *Bản sắc văn hóa người Nghệ Tĩnh* (Trên dẫn liệu ngôn ngữ), NXB Nghệ An.
3. Lê Bá Hán (1999), *Con người xứ Nghệ với sự công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Kỷ yếu hội nghị khoa học, ĐHSP Vinh, 10 – 1999.
4. Nguyễn Trung Hiền (1982), *Góp phần tìm hiểu cư dân cổ đại ở Nghệ Tĩnh qua một số tài liệu địa danh*. Những vấn đề lịch sử Nghệ Tĩnh, tr 12 – 15.
5. Trịnh Cẩm Lan (2005), *Nghiên cứu sự biến đổi và bảo lưu ngôn từ của các cộng đồng cư dân từ các phương ngữ khác đến Hà Nội*, Luận án Tiến sĩ ngôn ngữ học, Hà Nội – 2005.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 10-10-2012)

#### HỘP THƯ

Trong tháng 11/2012, **NN&ĐS** đã nhận được thư, bài của tác giả: Dương Văn Khoa, Trần Trung Hiếu, Trần Thị Hương, Trần Văn Sáng (Hà Nội); Nguyễn Nhã Bản (Nghệ An); Nguyễn Đình Trương Nguyễn (Huế); Hồ Thị Kiều Oanh (Đà Nẵng); Lưu Hồn Vũ, Đỗ Quốc Dũng, Nguyễn Văn Hải, Trịnh Sâm, Lê Trung Hoa (Tp HCM).

Toà soạn **NN & ĐS** xin chân thành cảm ơn sự cộng tác của quý vị và các bạn.

**NN & ĐS**